TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 142/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2017
"V/v tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Nhủ Khuyên**
Các vị Hội thẩm nhân dân:
Ông **Nguyễn Văn Mầm**
Ông **Nguyễn Văn Sol**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Văn Khải** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017 tại Toà án nhân dân huyện Cái Nước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017. Về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Trường G - Sinh năm 1976 (Có mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp C G, xã TH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị U - Sinh năm 1978 (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp C G, xã TH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
Chị Nguyễn Thị U có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Anh G và chị U kết hôn với nhau vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh G và chị U chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G và chị U bất đồng với nhau về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cải nhau, gia đình hai bên có hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng anh G và chị U không thể chung sống hạnh phúc. Anh G và chị U đã sống ly thân với nhau từ năm 2016. Tại phiên tòa, anh G vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị U.

Về con chung: Anh G và chị U có với nhau 02 người con chung tên là Võ Hoàng Kh sinh ngày 05 – 3 – 2000 và Võ Hoàng V sinh ngày 16 – 12 – 2008, hiện

nay các con đang sống chung với anh G. Sau khi ly hôn, anh G yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh G và chị U tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh G và chị U tự thỏa thuận, anh không yêu cầu cầu Tòa án giải quyết.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Tranh chấp giữa anh Võ Trường G và chị Nguyễn Thị U là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị U có địa chỉ cư trú tại ấp C G, xã TH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh G và chị U thấy rằng: Anh, chị kết hôn vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của anh G và chị U không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì không công nhận anh G và chị U là vợ chồng.

Về con chung: Anh G và chị U có với nhau 02 người con chung tên là Võ Hoàng Kh sinh ngày 05 – 3 – 2000 và Võ Hoàng V sinh ngày 16 – 12 – 2008, hiện nay các con đang sống chung với anh G. Sau khi ly hôn, anh G yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy đến ngày xét xử sơ thẩm Võ Hoàng Kh và Võ Hoàng V đã trên 07 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, sau khi vợ chồng ly hôn Tòa án xem xét nguyện vọng của các con mà giao cho người vợ hay người chồng trực tiếp nuôi. Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 05 – 9 – 2017 đối với cháu Võ Hoàng Kh và cháu Võ Hoàng V của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thì cháu Kh và cháu V trình bày nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với cha là anh G, đây là ý chí tự nguyện của con cháu Kh và cháu V nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh G và chị U tự thỏa thuận, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Anh G và chị U xác định trong thời gian chung sống anh chị không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị U tham gia phiên hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước và đã trình bày ý kiến đối với yêu cầu của anh G. Chị U có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, chị phải đi làm xa nhà không thể về tham dự phiên tòa xét xử được. Xét thấy yêu cầu của chị là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh G phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 14, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận anh Võ Trường G và chị Nguyễn Thị U là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Võ Hoàng Kh sinh ngày 05 – 3 – 2000 và cháu Võ Hoàng V sinh ngày 16 – 12 – 2008 cho anh Võ Trường G tiếp tục nuôi, chị Nguyễn Thị U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Võ Trường G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh G có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003679 ngày 17/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, sau khi đối trừ anh G nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị U không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm anh G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Phòng GĐ-KT TAT;
- Đương sự;
- UBND xã TH;
- Lưu VP-HS.

Trần Nhủ Khuyên